

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN

Số: 57/CV-SHA-2026

No: 57/CV-SHA-2026

V/v: Công bố báo cáo tài chính

TH Quý 2.2026.

*Combined Financial Statements for
Q2 2026.*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

TP. HCM, ngày 30 tháng 07 năm 2026

Ho Chi Minh City, July 30, 2026

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh
To: - The State Securities Commission;
- The Stock Exchange.

- Tên công ty niêm yết: **CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN**
Name of company : **Son Ha Sai Gon Joint Stock Company**
- Mã chứng khoán: **SHA**
Securities code: **SHA**
- Địa chỉ trụ sở chính: **292/5 Ấp 80, Xã Đông Thạnh, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam.**
Address: **292/5 Hamlet 80, Dong Thanh Commu, Ho Chi Minh City, Vietnam**
- Điện thoại: **(84-28). 37100101** Fax: **(84-28). 62511989**
Telephone: **(84-28). 37100101** Fax: **(84-28). 62511989**
- Người thực hiện công bố thông tin/ *Person disclosing information:* Bà/Ms Ngô Thị Thanh Lan
- Loại thông tin công bố: ☐24h ☐72h ☐Yêu cầu ☐Bất thường ☒Định kỳ
Type of information disclosed: ☐24h ☐72h ☐Request ☐fanciful ☒periodic

Nội dung của thông tin công bố /Content of disclosure:

Công ty Cổ Phần Sơn Hà Sài Gòn công bố thông tin về Báo cáo tài chính Tổng hợp Quý II.2026 và giải trình chênh lệch Báo cáo tài chính tổng hợp so với cùng kỳ.

Son Ha Sai Gon Joint Stock Company discloses information on the Combined Financial Statements for QII.2026 and provides an explanation for the differences compared to the same period of the previous year.

Thông tin này được chúng tôi công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 30/07/2026 tại đường dẫn <http://sonhasg.com.vn>.

This information was disclosed on the Company's website on July 30, 2026, at the following link: <http://sonhasg.com.vn>.

Chúng tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố.

We commit that the information published above is true and are fully responsible before the law for the content of the published information.

Nơi nhận/Place of receipt:

- Như trên/As above
- Lưu VT/Save the collection

NGƯỜI THỰC HIỆN CBTT/

Person publishing information

TỔNG GIÁM ĐỐC/General Director

(Chữ ký, họ tên, đóng dấu)/(Sign, full name and seal)



TỔNG GIÁM ĐỐC
Ngô Thị Thanh Lan

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN

Địa chỉ: 292/5 Ấp 80, Xã Đông Thạnh, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho Quý II năm tài chính 2026, kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2026

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		786,417,976,024	737,557,015,707
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	52,084,964,325	49,829,534,753
1. Tiền	111		40,084,964,325	49,829,534,753
2. Các khoản tương đương tiền	112		12,000,000,000	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		20,529,546,567	26,200,000,000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2	20,529,546,567	26,200,000,000
4. Dự phòng đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn	124		0	0
5. Đầu tư ngắn hạn khác	125		0	0
6. Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư ngắn hạn khác (*)	126		0	0
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		317,970,196,566	287,781,707,147
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	258,739,682,489	228,010,594,616
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		14,607,504,528	13,440,348,516
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu ngắn hạn khác	135	V.4	45,435,071,512	47,142,825,978
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	136	V.5	(822,711,533)	(822,711,533)
7. Tài sản thiếu chờ xử lý	137		10,649,570	10,649,570
IV. Hàng tồn kho	140		392,167,795,518	367,932,205,294
1. Hàng tồn kho	141	V.6	392,167,795,518	367,932,205,294
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	142	V.7	-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		0	0
1. Súc vật nuôi lấy sản phẩm một lần ngắn hạn	151		0	0
2. Cây trồng theo mùa vụ hoặc lấy sản phẩm một lần ngắn hạn	152		0	0
3. Dự phòng tổn thất tài sản sinh học ngắn hạn (*)	153		0	0
V. Tài sản ngắn hạn khác	160		3,665,473,048	5,813,568,513
1. Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn	161	V.8	2,070,717,957	3,113,381,245
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	162		1,427,087,357	2,689,164,125
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	163		167,667,734	11,023,143
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	164		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	165		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN

Địa chỉ: 292/5 Ấp 80, Xã Đông Thạnh, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho Quý II năm tài chính 2026, kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026

Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		204,818,372,364	203,864,951,903
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		196,460,684	196,460,684
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu dài hạn khác	215	V.4	196,460,684	196,460,684
6. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	216		-	-
II. Tài sản cố định	220		90,667,753,860	90,972,625,596
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	58,719,960,301	59,824,730,383
<i>Nguyên giá</i>	222		187,222,742,017	183,333,631,497
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(128,502,781,716)	(123,508,901,114)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.10	1,302,283,758	-
<i>Nguyên giá</i>	225		1,324,356,364	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		(22,072,606)	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.11	30,645,509,801	31,147,895,213
<i>Nguyên giá</i>	228		46,109,659,444	46,109,659,444
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(15,464,149,643)	(14,961,764,231)
III. Tài sản sinh học dài hạn	230		-	-
1. Súc vật nuôi cho sản phẩm định kỳ	231		-	-
a) Súc vật nuôi cho sản phẩm định kỳ chưa đến giai đ	232		-	-
b) Súc vật nuôi cho sản phẩm định kỳ đến giai đoạn tr	233		-	-
- Nguyên giá	234		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	235		-	-
2. Súc vật nuôi lấy sản phẩm một lần dài hạn	236		-	-
3. Cây trồng theo mùa vụ hoặc lấy sản phẩm một lần c	237		-	-
4. Dự phòng tổn thất tài sản sinh học dài hạn (*)	238		-	-
IV. Bất động sản đầu tư	240		0	0
1. - Nguyên giá	241		-	-
2. - Giá trị hao mòn lũy kế (*)	242		0	0
V. Tài sản dở dang dài hạn	250		33,142,053,565	32,195,377,274
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	251		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	252		33,142,053,565	32,195,377,274
VI. Đầu tư tài chính dài hạn	260		80,402,226,027	80,000,000,000
1. Đầu tư vào công ty con	261	V.2	70,000,000,000	70,000,000,000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	262		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	263		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	264		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	265		10,402,226,027	10,000,000,000
6. Dự phòng đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn (*)	266		0	0

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN

Địa chỉ: 292/5 Ấp 80, Xã Đông Thạnh, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

VII. Tài sản dài hạn khác	270		409,878,228	500,488,349
1. Chi phí trả trước dài hạn	271	V.8	409,878,228	500,488,349
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	272		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	273		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	274		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	280		991,236,348,388	941,421,967,610

Cho Quý II năm tài chính 2026, kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026

Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		543,560,544,352	509,723,554,023
I. Nợ ngắn hạn	310		542,329,265,352	509,489,635,023
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13	86,710,609,499	57,238,879,115
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		3,974,569,378	3,313,626,781
3. Phải trả cổ tức, lợi nhuận	313		0	0
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.14	1,913,868,715	1,515,904,244
5. Phải trả người lao động	315		4,314,655,969	4,100,767,246
6. Chi phí phải trả ngắn hạn	316	V.15	6,339,250,763	4,443,480,448
7. Phải trả nội bộ ngắn hạn	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	319	V.18	1,046,892,000	-
10. Phải trả ngắn hạn khác	320	V.16	445,489,955	456,755,917
11. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	321	V.18	435,302,022,229	436,138,314,428
12. Dự phòng phải trả ngắn hạn	322		-	-
13. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.17	2,281,906,844	2,281,906,844
14. Quỹ bình ổn giá	324		-	-
15. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	325		-	-
II. Nợ dài hạn	330		1,231,279,000	233,919,000
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước dài hạn	333		-	-
4. Chi phí phải trả dài hạn	334		-	-
5. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	335		-	-
6. Phải trả nội bộ dài hạn	336		-	-
7. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	337		-	-
8. Phải trả dài hạn khác	338	V.16	263,419,000	233,919,000
9. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	339	V.18	967,860,000	-
10. Trái phiếu chuyển đổi	340		-	-
11. Cổ phiếu ưu đãi	341		-	-
12. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	342		-	-
13. Dự phòng phải trả dài hạn	343		-	-
14. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	344		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN

Địa chỉ: 292/5 Ấp 80, Xã Đông Thạnh, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho Quý II năm tài chính 2026, kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026

Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		447,675,804,036	431,698,413,587
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		351,186,320,000	351,186,320,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a	V.19.b	351,186,320,000	351,186,320,000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		(250,000,000)	(250,000,000)
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu mua lại của chính mình (*)	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		13,686,797,071	13,686,797,071
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		83,052,686,965	67,075,296,516
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	420a		67,075,296,516	44,407,053,545
- LNST chưa phân phối kỳ này	420b		15,977,390,449	22,668,242,971
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		991,236,348,388	941,421,967,610

HCM, ngày 29 tháng 07 năm 2026

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám Đốc

Lê Hoàng Oanh

Trần Thị Thu Hạnh

Ngô Thị Thanh Lan



CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN

Địa chỉ: 292/5 Ấp 80, Xã Đông Thạnh, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho Quý II năm tài chính 2026, kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

(Dạng đầy đủ)

Cho Quý II năm tài chính 2026, kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026

			Quý II		Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này		Đơn vị tính: VND
			2026	2025	Năm nay	Năm trước	
CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh					
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	283,580,968,376	258,666,646,419	541,753,503,589	522,226,428,501	
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.1	686,379,914	7,841,262,494	849,242,716	18,964,864,927	
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		282,894,588,462	250,825,383,925	540,904,260,873	503,261,563,574	
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	249,735,212,909	228,462,382,485	476,783,210,752	453,573,272,729	
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		33,159,375,553	22,363,001,440	64,121,050,121	49,688,290,845	
6. Lãi/lỗ của hoạt động bán, thanh lý bất động sản đầu	21		-	-	-	-	
7. Doanh thu hoạt động tài chính	22	VI.3	13,884,418,522	13,210,376,563	16,967,779,453	15,615,603,797	
8. Chi phí tài chính	23	VI.4	7,723,244,306	6,384,282,556	14,089,926,042	12,327,885,291	
Trong đó: chi phí lãi vay	24		7,636,067,701	6,314,501,657	14,002,749,437	12,258,104,392	
9. Chi phí bán hàng	25	VI.5	18,678,129,323	14,216,259,748	37,762,685,888	30,034,401,543	
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	5,089,585,735	4,369,024,372	11,293,478,956	9,534,249,656	
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		15,552,834,711	10,603,811,327	17,942,738,688	13,407,358,152	
12. Thu nhập khác	31	VI.7	170,548,365	61,277,473	212,281,070	127,038,435	
13. Chi phí khác	32	VI.8	21,128,127	703,537	242,442,670	454,569,403	
14. Lợi nhuận khác	40		149,420,238	60,573,936	(30,161,600)	(327,530,968)	
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		15,702,254,949	10,664,385,263	17,912,577,088	13,079,827,184	
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		1,163,901,490	157,727,663	1,935,186,639	1,567,198,965	

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN

Địa chỉ: 29/2/5 Ấp 80, Xã Đông Thạnh, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	-	-	-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	14,538,353,459	10,506,657,600	15,977,390,449	11,512,628,219
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61	14,538,353,459	10,506,657,600	15,977,390,449	11,512,628,219
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62	-	-	-	-
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	-	-	-	-
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	-	-	-	-

Người lập biểu



Lê Hoàng Oanh

Kế toán trưởng



Trần Thị Thu Hạnh

HCM, ngày 29 tháng 07 năm 2026

Tổng Giám Đốc



Ngô Thị Thanh Lan

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN

Địa chỉ: 292/5 Ấp 80, Xã Đông Thạnh, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho Quý II năm tài chính 2026, kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP

(Dạng đầy đủ)

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho Quý II năm tài chính 2026, kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
		Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	17,912,577,088	13,079,827,184
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	5,518,338,620	7,847,018,978
- Các khoản dự phòng	03	-	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	-	30,164,858
- (Lãi), lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(10,060,000,000)	(10,849,424,282)
- Chi phí lãi vay	06	14,002,749,437	12,258,104,392
- Các khoản điều chỉnh khác	07	-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	27,433,665,145	22,365,691,130
- (Tăng), giảm các khoản phải thu	09	(15,880,847,041)	(24,203,511,183)
- (Tăng), giảm hàng tồn kho	10	(24,235,590,224)	(23,450,954,294)
- Tăng, (giảm) các khoản phải trả	11	38,255,806,089	19,267,832,221
- (Tăng), giảm chi phí chờ phân bổ	12	1,133,273,409	1,224,682,020
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13	-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	(13,998,051,259)	(12,243,826,876)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(1,573,315,777)	(1,864,068,853)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	11,134,940,342	(18,904,155,835)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(5,200,726,267)	(1,866,189,550)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(11,000,000,000)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	5,000,000,000	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	3,633,778,376	8,527,952,173
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(7,566,947,891)	6,661,762,623

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp (tiếp theo)

Ngô Thị Thanh Lan

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN

Địa chỉ: 292/5 Ấp 80, Xã Đông Thạnh, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho Quý II năm tài chính 2026, kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho Quý II năm tài chính 2026, kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Hình thức sở hữu vốn : Công ty Cổ Phần

Các đơn vị trực thuộc:

Tên đơn vị

- Chi nhánh Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn- Khu Công nghiệp Tân Bình
Mã số CN: 0307526635-002

- Chi nhánh Lâm Đồng - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn. Mã số chi nhánh: 0307526635-003

- Chi nhánh Bình Dương - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn. Mã số chi nhánh: 0307526635-005

- Chi nhánh Đắk Nông - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn. Mã số chi nhánh: 0307526635-008

- Chi nhánh Cần Thơ - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn
Mã số chi nhánh: 0307526635-009

- Chi nhánh Bà Rịa - Vũng Tàu - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn
Mã số chi nhánh: 0307526635-0010

- Chi nhánh Kiên Giang - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn. Mã số chi nhánh: 0307526635-0011

- Chi nhánh Long Khánh - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn. Mã số chi nhánh: 0307526635-0012

- Chi nhánh Khánh Hòa - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn. Mã số chi nhánh: 0307526635-007

- Chi nhánh Đắk Lắk - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn. Mã số chi nhánh: 0307526635-0013

- Chi nhánh Bình Phước - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn. Mã số chi nhánh: 0307526635-0014

- Chi nhánh An Giang - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn. Mã số chi nhánh: 0307526635-0015

- Chi nhánh Tiền Giang - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn. Mã số chi nhánh: 0307526635-0016

Địa chỉ

Lô III-3A đường số 1, khu công nghiệp Tân Bình, phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh.

Số 31, Tờ 10, Lô 90, Đường Nguyễn Công Trứ, Thị trấn Liên Nghĩa, H. Đức Trọng, T. Lâm Đồng, Việt Nam.

Đại lộ Bình Dương, phường Định Hòa, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam.

Thôn Nghĩa Hòa, Xã Đắk Nĩa, Thành Phố Gia Nghĩa, Tỉnh Đắk Nông, Việt Nam

Lô 2.10G, đường số 09, KCN Trà Nóc II, P. Phước Thới, Q. Ô Môn, TP Cần Thơ, Việt Nam

Số 1559 Quốc Lộ 55, KP Long An, TT. Long Điền, H. Long Điền, T. Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam

Số 052 ấp An Phước, Xã Bình An, Huyện Châu Thành, Tỉnh Kiên Giang

Tổ 10B, ấp Bàu Trâm, Xã Bàu Trâm, Thành Phố Long Khánh, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Lô 02 - B4, KĐT Phước Long, Phường Phước Long, Thành Phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa.

Số 7B, Quốc lộ 14, buôn Cour Đẳng A, Xã Cuor Đẳng, Huyện Cư M'gar, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam.

DT.741, ấp 1, xã Tiến Hưng, Thị xã Đồng Xoài, Tỉnh Bình Phước, Việt Nam.

572 Quốc lộ 91, Ấp Bình Phú 2, Xã Bình Hòa, Huyện Châu Thành, Tỉnh An Giang

Số 5/4 Quốc lộ 50, Ấp Mỹ Lợi, Xã Mỹ Phong, Thành Phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang.

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN

Địa chỉ: 292/5 Ấp 80, Xã Đông Thạnh, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho Quý II năm tài chính 2026, kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- | | |
|---|--|
| - Chi nhánh Biên Hòa - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn. Mã số chi nhánh: 0307526635-0017 | Số 9-11, Lô A10, GĐCB- QĐ4, Phường Tân Phong, TP Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai |
| - Chi nhánh Bình Thuận - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn. Mã số chi nhánh: 0307526635-0018 | Thôn Thắng Hiệp, Xã Hàm Thắng, Huyện Hàm Thuận Bắc, Tỉnh Bình Thuận, Việt Nam |
| - Chi nhánh Buôn Mê Thuột - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn. Mã số CN: 0307526635-0020 | 18 Thôn 13, Xã Hòa Khánh, TP. Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk. |
| - Chi nhánh Eakar - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn. Mã số chi nhánh: 0307526635-0019 | Km 56, QL 26, Buôn Tân Sinh, xã Ea Đar, Huyện Eakar, Tỉnh Đắk Lắk. |
| - Chi nhánh Bình Long - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn. Mã số chi nhánh: 0307526635-0021 | Quốc lộ 13, Tổ 10, Ấp Phú Long, Xã Thanh Phú, Thị xã Bình Long, Tỉnh Bình Phước. |
| - Chi nhánh Bến Tre - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn. Mã số chi nhánh: 0307526635-0023 | 93 Đ, Ấp Bình Thành, xã Bình Phú, TP. Bến Tre, Tỉnh Bến Tre. |
| - Chi nhánh Tây Ninh - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn. Mã số chi nhánh: 0307526635-0025 | Tổ 17A, Ấp Hiệp Trường, Xã Hiệp Tân, Huyện Hòa Thành, Tỉnh Tây Ninh. |
| - Chi nhánh Đồng Tháp - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn. Mã số chi nhánh: 0307526635-0024 | Số 425A, Quốc lộ 30, Tổ 13, Ấp An Định, Xã An Bình, Huyện Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp |
| - Chi nhánh Cà Mau - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn. Mã số chi nhánh: 0307526635-0026 | Lô đất số 01-1A, Khu A5, Đường Số 02+03+H6, Phường 1, TP. Cà Mau, Tỉnh Cà Mau |
| - Chi nhánh Ninh Thuận - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn. Mã số chi nhánh: 0307526635-0028 | Số 03, Đường Lê Duẩn, KP3, P.Đài Sơn, TP Nha Trang - Tháp chàm, Tỉnh Ninh Thuận, VN. |
| - Chi nhánh Trà Vinh - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn. Mã số chi nhánh: 0307526635-0029 | Ấp Chợ, Xã Phương Thạnh, Huyện Càng Long, Tỉnh Trà Vinh, Việt Nam. |
| - Chi nhánh Bạc Liêu - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn. Mã số chi nhánh: 0307526635-0027 | Quốc lộ 1A, Ấp Tân Tạo, Thị trấn Châu Hưng, Huyện Vĩnh Lợi, Tỉnh Bạc Liêu |
| - Chi nhánh Long An - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn. Mã số chi nhánh: 0307526635-0030 | Ấp Đồng Tâm. Xã Long Trạch, huyện Cần Đức, Tỉnh Long An, Việt Nam. |
2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất - chế biến.
3. **Ngành nghề kinh doanh** : Sản xuất, kinh doanh các sản phẩm cấu kiện kim loại, thùng bể chứa và dụng cụ chứa bằng kim loại.
4. **Nhân viên**
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2026 Công ty có **308** nhân viên đang làm việc (tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 299 nhân viên).
5. **Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm/kỳ có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính**
Chu kỳ sản xuất kinh doanh của Công ty dưới 12 tháng, Công ty chủ yếu sản xuất các sản phẩm trong tháng tính giá thành vào cuối tháng và kinh doanh hàng hóa công nghiệp. Sản phẩm và hàng hóa được bán trực tiếp tại kho Công ty hoặc chuyển về các chi nhánh để bán theo các đơn đặt hàng từ phòng kinh doanh.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN

Địa chỉ: 292/5 Ấp 80, Xã Đông Thạnh, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho Quý II năm tài chính 2026, kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư 99/2025/TT-BTC ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư 99/2025/TT-BTC ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính, cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán chứng từ ghi sổ

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp. Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền). Các đơn vị trực thuộc hình thành bộ máy kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của Văn phòng Công ty và các đơn vị trực thuộc. Doanh thu và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính.

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền mặt và các khoản tương đương tiền mặt bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao. Các khoản có khả năng thanh khoản cao là các khoản có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền mặt xác định trong thời gian không quá 03 tháng và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

3. Hàng tồn kho

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN

Địa chỉ: 292/5 Ấp 80, Xã Đông Thạnh, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho Quý II năm tài chính 2026, kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm/Tỷ lệ</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 50
Máy móc và thiết bị	03 - 12
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	07 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 07

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN

Địa chỉ: 292/5 Ấp 80, Xã Đông Thạnh, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho Quý II năm tài chính 2026, kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

6. Tài sản cố định thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê tài sản hoặc lãi suất ghi trong hợp đồng. Trong trường hợp không thể xác định được lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê thì sử dụng lãi suất tiền vay tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản.

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Trong trường hợp không chắc chắn Công ty sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản cố định sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian thuê và thời gian hữu dụng ước tính.

7. Tài sản thuê hoạt động

Công ty là bên cho thuê

Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Chi phí trực tiếp ban đầu để tạo ra doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận ngay vào chi phí khi phát sinh hoặc phân bổ dần vào chi phí trong suốt thời hạn cho thuê phù hợp với việc ghi nhận doanh thu cho thuê hoạt động.

Công ty là bên đi thuê

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

8. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư của Công ty được ghi nhận theo nguyên giá bao gồm nhà và quyền sử dụng đất.

9. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất được khấu hao từ 42 đến 47 năm theo thời gian giao đất.

Phần mềm máy tính

Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN

Địa chỉ: 292/5 Ấp 80, Xã Đông Thạnh, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho Quý II năm tài chính 2026, kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp đến việc xây dựng nhà xưởng và lắp đặt máy móc, thiết bị chưa hoàn thành và chưa lắp đặt xong. Các tài sản đang trong quá trình xây dựng cơ bản dở dang và lắp đặt không được tính khấu hao.

11. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm/kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

12. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán, công ty con, công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách. Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư tài chính vào các tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các tổ chức kinh tế này.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

13. Chi phí trả trước

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm

Chi phí xây dựng các showroom, chi phí sửa chữa tài sản, chi phí bảo hiểm tài sản

Được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Chi phí quảng cáo, thuê nhà

Chi phí quảng cáo thuê nhà được phân bổ theo thời hạn quy định trên hợp đồng quảng cáo và hợp đồng thuê nhà.

14. Chi phí phải trả:

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN

Địa chỉ: 292/5 Ấp 80, Xã Đông Thạnh, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho Quý II năm tài chính 2026, kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng.

15. Vay và nợ phải trả thuê tài chính:

Phản ánh các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính và tình hình thanh toán các khoản vay, nợ thuê tài chính của Công ty.

16. Nguồn vốn kinh doanh

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào chỉ tiêu Thặng dư vốn cổ phần.

17. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

18. Trích lập các quỹ

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty như sau:

Mục đích

- Quỹ đầu tư phát triển: Mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư theo chiều sâu của Công ty. Bù đắp những tổn thất, thiệt hại xảy ra trong quá trình kinh hoặc các trường hợp bất khả kháng, ngoài dự kiến như thiên tai, hỏa hoạn,....
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi: Khen thưởng, khuyến khích lợi ích vật chất, cải thiện và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động

Các quỹ được trích lập theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hàng năm.

19. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN

Địa chỉ: 292/5 Ấp 80, Xã Đông Thạnh, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho Quý II năm tài chính 2026, kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

20. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu cũng như quyền quản lý hàng hóa, thành phẩm đó được chuyển giao cho người mua, và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

21. Giá vốn hàng bán:

Phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán trong kỳ.

22. Chi phí tài chính:

Phản ánh những chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động tài chính, chi phí đi vay vốn, dự phòng giảm giá tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ tỷ giá hối đoái.

23. Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp:

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN

Địa chỉ: 292/5 Ấp 80, Xã Đông Thạnh, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho Quý II năm tài chính 2026, kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán hàng hóa, sản phẩm, dịch vụ và chi phí quản lý chung của doanh nghiệp.

24. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

25. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Tất cả các giao dịch và số dư với các bên liên quan phát sinh trong giai đoạn từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026 được Công ty trình bày tại các thuyết minh dưới đây.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	13,183,749,015	8,222,279,117
Tiền gửi ngân hàng	26,901,215,310	41,607,255,636
Các khoản tương đương tiền	12,000,000,000	
- Tiền gửi có kỳ hạn từ 3 tháng trở xuống	12,000,000,000	
Cộng	52,084,964,325	49,829,534,753

2. Các khoản đầu tư tài chính

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá Gốc	Dự Phòng	Giá Gốc	Dự Phòng
+ Đầu tư tài chính ngắn hạn:				
Ngân hàng VIB	10,165,046,575		10,000,000,000	
Ngân Hàng Quân Đội	3,216,065,096		9,200,000,000	
Ngân hàng Kbank	5,093,136,986		5,000,000,000	
Ngân hàng Vietin	2,055,297,910		2,000,000,000	
Cộng	20,529,546,567		26,200,000,000	
	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá Gốc	Dự Phòng	Giá Gốc	Dự Phòng

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN

Địa chỉ: 292/5 Ấp 80, Xã Đông Thạnh, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho Quý II năm tài chính 2026, kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác:****+ Công ty con:**

- Công ty TNHH MTV Quốc tế Sơn Hà Chu Lai	70,000,000,000	70,000,000,000
---	----------------	----------------

Cộng	70,000,000,000	70,000,000,000
-------------	-----------------------	-----------------------

3. Phải thu khách hàng

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Công ty TNHH MTV Quốc Tế Sơn Hà Chu Lai	12,521,641,554	8,644,287,913
- Công ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Và Phát Triển Hưng Thịnh	29,984,259,971	26,404,017,006
- Công Ty TNHH Cơ Khí - Thương Mại - Dịch Vụ Thiên Thành Lợi	39,687,243,085	44,591,627,488
- Công ty TNHH Sản Xuất & Thương Mại Thép Hải Phát	29,104,318,909	18,223,156,036
- Công ty TNHH TM DV Đại Phong Phú	822,711,533	822,711,533
- Công Ty TNHH Sản Xuất - TM - DV Kỹ Thuật Đại Phú Thịnh	13,799,480,165	15,989,480,165
- Công ty TNHH cơ khí xây dựng Minh Ngọc Dương	31,496,655,995	32,631,261,288
- Công Ty TNHH MTV Thương Mại Kim Phát	4,110,258,694	6,626,714,360
- Công ty Cổ Phần Tập Đoàn Sơn Hà Xanh	112,320,000	105,192,000
- Công ty TNHH Xuất Nhập Khẩu Kim Loại VINA	38,586,602,141	26,716,323,957
- Công Ty Cổ Phần Quốc Tế Sơn Hà		
- Công Ty TNHH Sản Xuất Thương Mại Đức Thịnh	2,770,699,382	2,972,008,051
- Các Khách hàng khác	55,743,491,060	44,283,814,819
Cộng	258,739,682,489	228,010,594,616

Phải thu khách hàng là các bên liên quan:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Công ty TNHH MTV Quốc Tế Sơn Hà Chu Lai	12,521,641,554	8,644,287,913
- Công Ty Cổ Phần Quốc Tế Sơn Hà		
- Công ty Cổ Phần Tập Đoàn Sơn Hà Xanh	112,320,000	105,192,000
Cộng	12,633,961,554	8,749,479,913

4. Các khoản phải thu khác

Ngắn hạn	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Phải thu người lao động	27,157,366,996	35,360,842,166
- Ký cược, ký quỹ	352,002,604	160,139,316
- Bảo hiểm xã hội		169,996,995
- Lợi nhuận được chia từ Công ty TNHH MTV Quốc tế Sơn Hà Chu Lai	17,000,000,000	10,000,000,000
- Các khoản phải thu ngắn hạn khác	925,701,912	1,451,847,501
Cộng	45,435,071,512	47,142,825,978
Dài hạn		
- Các khoản ký quỹ, ký cược dài hạn	196,460,684	196,460,684
Cộng	196,460,684	196,460,684
Tổng Cộng	45,631,532,196	47,339,286,662

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN

Địa chỉ: 292/5 Ấp 80, Xã Đông Thạnh, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho Quý II năm tài chính 2026, kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**5. Nợ xấu**

	Nợ gốc	Số cuối kỳ Giá trị có thể thu hồi	Nợ gốc	Số đầu năm Giá trị có thể thu hồi
Công ty TNHH TM DV Đại Phong Phú	822,711,533		822,711,533	
Cộng	822,711,533		822,711,533	

6. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Hàng mua đang đi trên đường	615,300,106	784,106,243
Nguyên liệu, vật liệu	144,026,569,284	133,023,860,115
Công cụ, dụng cụ		
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	24,260,266,409	27,295,977,811
Thành phẩm	61,448,566,802	55,551,732,271
Hàng hóa	161,817,092,917	151,276,528,854
Cộng	392,167,795,518	367,932,205,294

7. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Hàng hóa		
Cộng		

8. Chi phí trả trước

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Ngắn hạn		
- Chi phí trả trước về thuê kho	658,368,331	825,191,663
- Công cụ dụng cụ xuất dùng	94,445,015	221,652,244
- Chi phí thuê đất	658,829,830	1,564,084,384
- Chi phí bảo hiểm	224,646,161	322,121,298
- Các khoản khác	434,428,620	180,331,656
Cộng	2,070,717,957	3,113,381,245
Dài hạn		
- Chi phí công cụ dụng cụ	319,894,411	312,649,969
- Chi phí sửa chữa	73,888,896	96,055,560
- Các khoản khác	16,094,921	91,782,820
Cộng	409,878,228	500,488,349
Tổng cộng	2,480,596,185	3,613,869,594

9. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	85,538,362,177	42,550,151,974	48,670,330,938	6,574,786,408		183,333,631,497

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN

Địa chỉ: 292/5 Ấp 80, Xã Đông Thạnh, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho Quý II năm tài chính 2026, kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tăng trong năm	86,500,000	3,802,610,520	3,889,110,520
- Mua sắm mới	86,500,000	3,802,610,520	3,889,110,520
- Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành			

- Mua lại TSCĐ thuê tài chính

Giảm trong năm

- Góp vốn Công ty TNHH MTV Sơn

Hà Chu Lai

- Thanh lý, nhượng bán

- Giảm khác (ghi cụ thể)

Số cuối kỳ	85,624,862,177	46,352,762,494	48,670,330,938	6,574,786,408	187,222,742,017
------------	----------------	----------------	----------------	---------------	-----------------

Giá trị hao mòn

Số đầu năm	43,881,820,026	32,579,641,615	40,487,292,209	6,560,147,264	123,508,901,114
Tăng trong năm	1,787,239,983	1,883,990,029	1,314,120,846	8,529,744	4,993,880,602
- Khấu hao trong năm	1,787,239,983	1,883,990,029	1,314,120,846	8,529,744	4,993,880,602

- Mua lại TSCĐ thuê tài chính

Giảm trong năm

- Thanh lý, nhượng bán

- Giảm khác (ghi cụ thể)

Số cuối kỳ	45,669,060,009	34,463,631,644	41,801,413,055	6,568,677,008	128,502,781,716
------------	----------------	----------------	----------------	---------------	-----------------

Giá trị còn lại

Số đầu năm	41,656,542,151	9,970,510,359	8,183,038,729	14,639,144	59,824,730,383
Số cuối kỳ	39,955,802,168	11,889,130,850	6,868,917,883	6,109,400	58,719,960,301

10 Tăng, giảm tài sản cố định thuê tài chính

	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm					
Tăng trong năm		1,324,356,364			1,324,356,364
- Thuê tài chính trong năm		1,324,356,364			1,324,356,364
- Tăng khác (ghi cụ thể)					
Giảm trong năm					
- Mua lại TSCĐ thuê tài chính					
- Trả lại TSCĐ thuê tài chính					
- Giảm khác (ghi cụ thể)					
Số cuối kỳ		1,324,356,364			1,324,356,364

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN

Địa chỉ: 292/5 Ấp 80, Xã Đông Thạnh, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho Quý II năm tài chính 2026, kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**Giá trị hao mòn**

Số đầu năm				
Tăng trong năm	22,072,606			22,072,606
- Khấu hao trong năm	22,072,606			22,072,606
- Tăng khác (ghi cụ thể)				
Giảm trong năm				
- Mua lại TSCĐ thuê tài chính				
- Trả lại TSCĐ thuê tài chính				
- Giảm khác (ghi cụ thể)				
Số cuối kỳ	22,072,606			22,072,606

Giá trị còn lại

Số đầu năm				
Số cuối kỳ	1,302,283,758			1,302,283,758

11 Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Bản quyền, bằng sáng chế	Nhãn hiệu hàng hóa	Phần mềm máy vi tính	...	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	45,156,600,444			953,059,000		46,109,659,444
Tăng trong năm						
- Mua trong năm						
- Tăng khác (ghi cụ thể)						
Giảm trong năm						
- Giảm khác (ghi cụ thể)						
Số cuối kỳ	45,156,600,444			953,059,000		46,109,659,444
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	14,008,705,231			953,059,000		14,961,764,231
Tăng trong năm	502,385,412					502,385,412
- Khấu hao trong năm	502,385,412					502,385,412
- Tăng khác (ghi cụ thể)						
Giảm trong năm						
- Thanh lý, nhượng bán						
- Giảm khác (ghi cụ thể)						
Số cuối kỳ	14,511,090,643			953,059,000		15,464,149,643
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	31,147,895,213					31,147,895,213
Số cuối kỳ	30,645,509,801					30,645,509,801

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN

Địa chỉ: 292/5 Ấp 80, Xã Đông Thạnh, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho Quý II năm tài chính 2026, kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**12 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Kết chuyển giảm khác	Số cuối kỳ
- Quyền sử dụng đất	31,049,377,274				31,049,377,274
- XDCB dở dang	1,146,000,000	946,676,291			2,092,676,291
	32,195,377,274	946,676,291			33,142,053,565

13 Phải trả người bán

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Công ty TNHH Posco VST	3,683,995,693	5,456,286,075
- Cty CP Phát Triển Năng Lượng Sơn Hà	567,755,355	1,118,436,961
- Công ty TNHH Một Thành Viên Sơn Hà SSP Việt Nam	8,311,193,587	6,662,892,330
- Công Ty TNHH Hoá Dầu Long Sơn	500	1,386,923,892
- Công ty Cổ Phần Tập Đoàn Sơn Hà Xanh	5,500,813,000	
- Công ty TNHH MTV Quốc Tế Sơn Hà Chu Lai	57,734,106,577	34,014,448,273
- Các đối tượng khác	10,912,744,787	8,599,891,584
Cộng	86,710,609,499	57,238,879,115

Phải trả người bán là các bên liên quan

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Công ty TNHH MTV Quốc Tế Sơn Hà Chu Lai	57,734,106,577	34,014,448,273
- Cty CP Phát Triển Năng Lượng Sơn Hà	567,755,355	1,118,436,961
- Công ty Cổ Phần Tập Đoàn Sơn Hà Xanh	5,500,813,000	
- Công Ty TNHH MTV Thiết Bị Gia Dụng Sơn Hà Bắc Ni	147,554,675	435,016,823
- Công ty TNHH Một Thành Viên Sơn Hà SSP Việt Nam	8,311,193,587	6,662,892,330
Cộng	72,261,423,194	42,230,794,387

14 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối kỳ
Thuế và các khoản phải nộp				
Thuế GTGT hàng bán nội địa	144,008,716	1,276,640,119	1,180,551,452	240,097,383
Thuế tiêu thụ đặc biệt				
Thuế xuất, nhập khẩu				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1,311,900,470	1,935,186,639	1,573,315,777	1,673,771,332
Thuế thu nhập cá nhân	59,995,058	148,218,992	208,214,050	
Các loại thuế khác				
Cộng	1,515,904,244	3,360,045,750	2,962,081,279	1,913,868,715

15 Chi phí phải trả

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Chi phí trích trước thường, hàng khuyến mãi	2,384,056,470	2,433,832,246
- Chi phí công tác, xăng dầu, khác	3,441,464,679	1,500,616,766
- Chi phí lãi vay phải trả	513,729,614	509,031,436

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN

Địa chỉ: 292/5 Ấp 80, Xã Đông Thạnh, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho Quý II năm tài chính 2026, kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Cộng	6,339,250,763	4,443,480,448				
16	Các khoản phải trả khác						
	Ngắn hạn	Số cuối kỳ	Số đầu năm				
	Tài sản thừa chờ giải quyết	209,893,279	206,659,241				
	Kinh phí công đoàn						
	Phải trả cổ tức, phải nộp khác	235,596,676	250,096,676				
	Cộng	445,489,955	456,755,917				
	Dài hạn						
	Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	263,419,000	233,919,000				
	Cộng	263,419,000	233,919,000				
	Tổng Cộng	708,908,955	690,674,917				
17	Quỹ khen thưởng, phúc lợi						
		Số đầu năm	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Tăng khác	Chi quỹ trong năm	Giảm khác	Số cuối kỳ
	Quỹ khen thưởng	2,281,906,844					2,281,906,844
	Quỹ phúc lợi						
	Cộng	2,281,906,844					2,281,906,844

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN

Địa chỉ: 292/5 Ấp 80, Xã Đông Thạnh, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho Quý II năm tài chính 2026, kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026

18. Vay và nợ thuê tài chính

Nội dung	Cuối kỳ		Trong kỳ		Đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả
a) Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	435,302,022,229	435,302,022,229	437,085,266,873	437,921,559,072	436,138,314,428	430,537,192,692
Vay ngắn hạn	435,043,902,229	435,043,902,229	436,827,146,873	437,921,559,072	436,138,314,428	430,537,192,692
- Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN12 TPHCM	174,136,601,664	174,136,601,664	174,136,601,665	174,644,036,559	174,644,036,558	173,464,635,264
- Ngân hàng và đầu tư phát triển Việt Nam - CN Hóc Môn	216,646,021,685	216,646,021,685	235,977,290,000	216,521,239,740	197,189,971,425	178,713,033,810
- Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Quân Đội (MB Bank)	21,843,519,920	21,843,519,920	4,295,496,248	12,451,222,036	29,999,245,708	29,265,866,038
- Ngân hàng Đại Chúng TNHH KASIKORNBANK	9,749,099,284	9,749,099,284	9,749,099,284	14,519,222,868	14,519,222,868	15,832,603,190
- Ngân hàng VIB	12,668,659,676	12,668,659,676	12,668,659,676	19,785,837,869	19,785,837,869	33,261,054,390
Vay dài hạn đến hạn trả (thời hạn dưới 1 năm)	-	-	-	-	-	-
+ Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN12	-	-	-	-	-	-
Nợ thuê tài chính	258,120,000	258,120,000	258,120,000	-	-	-
+ Nợ dài hạn đến hạn trả (thời hạn dưới 1 năm) Vietinbank Leasing	258,120,000	258,120,000	258,120,000	-	-	-
b) Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	967,860,000	967,860,000	1,444,130,680	476,270,680	-	-
Vay dài hạn (thời hạn trên 1 năm)	-	-	-	-	-	-
+ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Kỳ Đông (5)	-	-	-	-	-	-
Nợ thuê tài chính (7)	967,860,000	967,860,000	1,444,130,680	476,270,680	-	-
Nợ dài hạn (thời hạn trên 1 năm)	967,860,000	967,860,000	1,444,130,680	476,270,680	-	-
+ Công Ty CTTC TNHH MTV Ngân Hàng TMCP Công Thương Việt Nam (Vietinbank Leasing)	967,860,000	967,860,000	1,444,130,680	476,270,680	-	-
	436,269,882,229	436,269,882,229	438,529,397,553	438,397,829,752	436,138,314,428	430,537,192,692

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN

Địa chỉ: 292/5 Ấp 80, Xã Đông Thạnh, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho Quý II năm tài chính 2026, kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**19 Vốn chủ sở hữu****19.a Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số đầu năm trước	334,466,750,000	13,686,797,071	(250,000,000)	61,402,623,545	409,306,170,616
Lãi trong năm trước				22,668,242,971	22,668,242,971
Phân phối lợi nhuận trong năm	16,719,570,000			(16,995,570,000)	(276,000,000)
Trích các quỹ trong năm					
Chia cổ tức, lợi nhuận					
Chia cổ tức phát hành Cổ Ph	16,719,570,000			(16,719,570,000)	
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi					
+ Tiền thù lao Hội đồng quản trị và BKS				(276,000,000)	(276,000,000)
Số dư cuối năm trước	351,186,320,000	13,686,797,071	(250,000,000)	67,075,296,516	431,698,413,587
Số đầu năm Nay	351,186,320,000	13,686,797,071	(250,000,000)	67,075,296,516	431,698,413,587
Tăng vốn trong kỳ					
Lãi trong kỳ				15,977,390,449	15,977,390,449
Phân phối lợi nhuận trong kỳ					
+ Trích lập quỹ đầu tư phát triển					
+ Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi					
+ Chia cổ tức					
+ Tiền thù lao Hội đồng quản trị và BKS					
+ Quỹ dự phòng tài chính					
+ Chia Cổ tức bằng cổ phiếu					
Số dư cuối kỳ	351,186,320,000	13,686,797,071	(250,000,000)	83,052,686,965	447,675,804,036

19.b Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	35,118,632	35,118,632
Số lượng cổ phiếu đã phát hành/bán ra công chứng	35,118,632	35,118,632
- Cổ phiếu phổ thông	35,118,632	35,118,632
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu được mua lại		
- Cổ phiếu phổ thông		
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	35,118,632	35,118,632
- Cổ phiếu phổ thông	35,118,632	35,118,632
- Cổ phiếu ưu đãi		
Mệnh giá cổ phiếu (VND/ Cổ Phiếu)	10,000	10,000

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN

Địa chỉ: 292/5 Ấp 80, Xã Đông Thạnh, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho Quý II năm tài chính 2026, kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP****1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Kỳ này	Kỳ trước
Tổng doanh thu	283,580,968,376	258,666,646,419
- Doanh thu bán hàng hóa	195,995,306,340	145,819,549,650
- Doanh thu bán thành phẩm	87,585,662,036	112,847,096,769
- Doanh thu cung cấp dịch vụ		
Các khoản giảm trừ doanh thu:	686,379,914	7,841,262,494
- Chiết khấu thương mại	410,096,124	7,841,262,494
- Giảm giá hàng bán		
- Hàng bán bị trả lại	276,283,790	
Doanh thu thuần	282,894,588,462	250,825,383,925

2 Giá vốn hàng bán

	Kỳ này	Kỳ trước
Giá vốn của hàng hóa đã cung cấp	188,443,993,724	131,818,991,124
Giá vốn của thành phẩm đã cung cấp ⁽ⁱ⁾	61,291,219,185	96,643,391,361
Cộng	249,735,212,909	228,462,382,485

3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ này	Kỳ trước
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	807,009,925	592,824,969
Cổ tức, lợi nhuận được chia	10,000,000,000	10,000,000,000
Doanh thu hoạt động tài chính khác	3,077,408,597	2,617,551,594
Cộng	13,884,418,522	13,210,376,563

4 Chi phí tài chính

	Kỳ này	Kỳ trước
Chi phí lãi vay	7,636,067,701	6,313,607,807
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	87,176,605	70,674,749
Chi phí tài chính khác		
Cộng	7,723,244,306	6,384,282,556

5 Chi phí bán hàng

	Kỳ này	Kỳ trước
Chi phí nhân viên	9,895,856,511	7,105,141,390
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	196,320,838	262,594,598
Chi phí khấu hao TSCĐ	558,495,807	1,904,379,974
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5,062,893,830	3,862,771,291
Chi phí khác	2,964,562,337	1,081,372,495

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN

Địa chỉ: 292/5 Ấp 80, Xã Đông Thạnh, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho Quý II năm tài chính 2026, kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cộng		18,678,129,323	14,216,259,748
6	Chi phí quản lý doanh nghiệp	Kỳ này	Kỳ trước
	Chi phí nhân viên quản lý	2,740,499,398	1,866,238,500
	Chi phí nguyên liệu, vật liệu	13,021,729	51,057,921
	Chi phí khấu hao TSCĐ	1,172,073,506	1,406,429,741
	Chi phí dịch vụ mua ngoài	764,204,034	764,204,034
	Chi phí khác	399,787,068	281,094,176
	Cộng	5,089,585,735	4,369,024,372
7	Thu nhập khác	Kỳ này	Kỳ trước
	Thu nhập thanh lý tài sản		
	Thu nhập khác	170,548,365	61,277,473
	Cộng	170,548,365	61,277,473
8	Chi phí khác	Kỳ này	Kỳ trước
	Chi phí khác	21,128,127	703,537
	Cộng	21,128,127	703,537
9	Lãi cơ bản trên cổ phiếu		
Công ty không tính chỉ tiêu này trên Báo cáo tài chính riêng vì theo quy định tại chuẩn mực kế toán số 30 về “Lãi trên cổ phiếu” yêu cầu trường hợp Công ty phải lập cả Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất thì chỉ phải trình bày thông tin về lãi trên cổ phiếu theo qui định của chuẩn mực này trên Báo cáo tài chính hợp nhất.			

VII GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Bên liên quan	Mối quan hệ
- Công ty TNHH MTV Công nghiệp Sơn Hà	Công ty con của Công ty TNHH MTV Quốc tế sơn hà Chu Lai
- Công ty TNHH MTV Quốc tế sơn hà Chu Lai	Công ty con
- Công ty Cổ Phần Đầu Tư Phát Triển Thương Mại Tổng Hợp Sơn Hà	Ông Lê Hoàng Hà là Chủ tịch HĐQT
- Công ty Cổ Phần Tập Đoàn Sơn Hà Xanh	Ông Lê Hoàng Hà là Chủ tịch HĐQT
- Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà (SHI)	Ông Lê Hoàng Hà là em ruột Chủ tịch HĐQT
- Công ty TNHH MTV Sơn Hà SSP Việt Nam	Công ty con 100% vốn của SHI
- Công Ty TNHH MTV Thiết Bị Gia Dụng Sơn Hà Bắc Ninh	Công ty con 100% vốn của SHI
- Công ty Cổ phần Phát triển Năng lượng Sơn Hà	Công ty con 51,59% vốn của SHI
Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan	

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN

Địa chỉ: 292/5 Ấp 80, Xã Đông Thạnh, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho Quý II năm tài chính 2026, kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.
Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Hội đồng quản trị		
Tạm ứng		
Ban điều hành		
Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:		
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Hội đồng quản trị		
Ban điều hành		
Cộng nợ phải thu		
	Kỳ này	Kỳ trước
1. TGD: Bà Ngô Thị Thanh Lan	289,716,000	105,195,000
2. PTGD: Ông Hoàng Tuấn Thanh	235,931,000	96,000,000
Thu nhập Ban Tổng Giám Đốc	525,647,000	201,195,000
1. TBBKS: Nguyễn Văn Tuấn	179,010,000	58,718,000
2. TVBKS: Lê Hoàng Anh (hết nhiệm kỳ 28/04/2026)		
3. TVBKS: Nguyễn Thị Kim Loan (hết nhiệm kỳ 28/04/2026)	77,845,000	52,092,000
4. TVBKS: Khúc Thị Nhuận	108,008,000	55,738,000
5. TVBKS: Phan Văn Ninh	54,697,000	49,761,000
Tiền lương ban Kiểm soát	419,560,000	216,309,000
1. Chủ tịch: Lê Hoàng Hà	15,000,000	15,000,000
2. Thành Viên: Lê Văn Ngà	9,000,000	9,000,000
3. Thành Viên: Lê Văn Thành	9,000,000	9,000,000
4. Thành Viên: Trịnh Thị Phương Linh	9,000,000	9,000,000
5. Thành Viên: Phạm Thị Uyên	9,000,000	9,000,000
Thù Lao Hội Đồng Quản Trị	51,000,000	51,000,000
1. TBBKS: Nguyễn Văn Tuấn	9,000,000	9,000,000
2. TVBKS: Lê Hoàng Anh (hết nhiệm kỳ 28/04/2026)	1,400,000	4,500,000
3. TVBKS: Nguyễn Thị Kim Loan (hết nhiệm kỳ 28/04/2026)	1,400,000	4,500,000
4. TVBKS: Khúc Thị Nhuận	3,100,000	
5. TVBKS: Phan Văn Ninh	3,100,000	
Thù Lao Ban Kiểm Soát	18,000,000	18,000,000
Các nghiệp vụ phát sinh trong năm giữa Công ty với các bên liên quan		
	Kỳ này	Kỳ trước
Công ty TNHH MTV Quốc Tế Sơn Hà Chu Lai		
- Mua hàng hóa, nguyên vật liệu	106,975,553,990	114,369,025,845
- Bán hàng hóa, nguyên vật liệu	4,468,947,199	4,656,397,030
- Điều chuyển lợi nhuận về	10,000,000,000	10,000,000,000
Công ty Cổ Phần Đầu Tư Phát Triển Thương Mại Tổng Hợp Sơn Hà		
- Mua hàng hóa, nguyên vật liệu	0	
Công ty Cổ Phần Tập Đoàn Sơn Hà Xanh		
- Mua hàng hóa, nguyên vật liệu	36,610,337,367	50,000,313,954
- Bán hàng hóa, nguyên vật liệu	104,000,000	112,000,000
- Bán tài sản	0	

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN

Địa chỉ: 292/5 Ấp 80, Xã Đông Thạnh, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho Quý II năm tài chính 2026, kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Công ty TNHH MTV Sơn Hà SSP Việt Nam		
- Mua hàng hóa, nguyên vật liệu	90,713,890,052	59,758,011,972
- Chiết khấu thanh toán	3,438,393,550	2,406,534,000
- Chiết khấu sản lượng	4,501,710,710	2,233,028,863
- Xuất trả hàng		
Công Ty TNHH MTV Thiết Bị Gia Dụng Sơn Hà Bắc Ninh		
- Mua hàng hóa, nguyên vật liệu	353,106,450	359,957,270
Công ty Cổ phần Phát triển Năng lượng Sơn Hà		
- Mua hàng hóa, nguyên vật liệu	1,038,958,115	439,415,800
- Xuất trả hàng	9,940,800	20,147,770

HCM, ngày 29 tháng 07 năm 2026

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám Đốc

Lê Hoàng Oanh

Trần Thị Thu Hân

Ngô Thị Thanh Lan

